

Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/8/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Yên và bà Trần Thị Hương.

Thư ký Toà án: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

** Nguyên đơn: Anh Hà Cảnh A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

** Bị đơn: Chị Lý Thị N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).*

NỘI D V U Á N:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024, nội D bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Cảnh A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2009 ngày 02 tháng 11 năm 2009. Sau khi kết hôn anh A và chị N chung sống tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu

hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh A cho rằng do quan điểm và lối sống giữa anh và chị N không hòa hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ. Chị N đi làm ăn xa ít có thời gian về thăm nhà và cũng không quan tâm gia đình và chồng con, chỉ thi thoảng có gọi điện về hỏi thăm con và gia đình bên nhà ngoại tại Lâm Bình. Anh A và chị N đã sống ly thân từ 2014 đến nay. Hai bên gia đình có khuyên giải, tạo điều kiện cho anh và chị N khắc phục mâu thuẫn nhưng mối quan hệ giữa anh và chị N không được cải thiện. Hiện anh A và chị N đã sống ly thân, nay anh A xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị N.

- Về con chung: Anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N có hai con chung là Hà Cảnh T, sinh ngày 17/4/2010 và Hà Kim D, sinh ngày 21/8/2012. Sau khi ly hôn, anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hà Cảnh A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Cảnh A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Lý Thị N đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Lương Thị L, địa chỉ tại thôn NC, xã KH, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (là mẹ đẻ của chị Lý Thị N), ông Mã Văn H, công an viên thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và Công an xã TT, huyện Chiêm Hóa xác định chị Lý Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tuy nhiên thực tế hiện nay chị N đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà L xác nhận thỉnh thoảng chị N có về thăm gia đình vào các dịp lễ tết và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào chị N mới trở về gia đình và địa phương. Theo bà L cho biết: Anh A và chị N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2009 tại UBND xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh A và chị N về chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ của anh A tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống của anh A và chị N hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến khoảng năm 2022 thì gia đình bà L được biết anh A và chị N có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì bà L không nắm được, chỉ xác định là

hiện nay anh A và chị N không còn chung sống với nhau nữa, đã sống ly thân, hiện chị N đang làm việc, sinh sống ở đâu thì gia đình bà L không nắm được địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc được với chị N qua điện thoại. Bà L có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho chị Lý Thị N biết về việc anh Hà Cảnh A có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho chị N).

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 24/5/2024 cháu Hà Cảnh T, sinh ngày 17/4/2010 trình bày sau khi anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N ly hôn nguyện vọng của cháu mong muốn được bố là Hà Cảnh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 17/6/2024 cháu Hà Kim D, sinh ngày 21/8/2012 trình bày sau khi anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N ly hôn nguyện vọng của cháu mong muốn được mẹ là chị Lý Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Cảnh A, cho anh Hà Cảnh A được ly hôn với chị Lý Thị N.

Về con chung: Giao các cháu Hà Cảnh T, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Hà Kim D, sinh ngày 21/8/2012 cho anh Hà Cảnh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Hà Cảnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Lý Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Hà Cảnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Lý Thị N; chị Lý Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Lý Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị N đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với chị N đến Tòa án để làm việc nhưng chị N vắng mặt không có lý do, chị N đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Cảnh A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn chị Lý Thị N vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, chị N đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm chăm sóc gia đình và đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, anh A xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Lý Thị N.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị N đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 03/5/2024 và ngày 21/5/2024 (BL 24, 38) thấy rằng anh A và chị N đã sống ly thân, kể từ khi ly thân, giữa anh A và chị N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn

nhau, do vậy giữa anh A và chị N không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Cảnh A, cho anh A được ly hôn chị Lý Thị N.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh Hà Cảnh A và chị Lý Thị N có 02 con chung là cháu Hà Cảnh T, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Hà Kim D, sinh ngày 21/8/2012. Sau khi ly hôn anh A có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hà Cảnh T và cháu Hà Kim D, không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện chị Lý Thị N không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi ý kiến của các con chưa thành niên cháu T có nguyện vọng được ở với anh A, cháu D có nguyện vọng được ở với chị N sau khi anh A và chị N ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị N hiện không có mặt tại gia đình và địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể của chị N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt, không có văn bản hoặc ý kiến thể hiện quan điểm nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu D, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Hà Cảnh T và cháu Hà Kim D cho anh Hà Cảnh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hà Cảnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Lý Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hà Cảnh A, cho anh Hà Cảnh A được ly hôn chị Lý Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Cảnh T, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Hà Kim D, sinh ngày 21/8/2012 cho anh Hà Cảnh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Lý Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hà Cảnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Anh A đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001145087 ngày 22/4/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001652 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TT (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh